

Số: 1202 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá  
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 191/TTr-STNMT ngày 04/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo đến các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có hồ, ao, đầm, phá không được san lấp. Thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, thống kê, đề xuất bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; rà soát, thống kê, đề xuất bổ sung Danh mục hồ, ao không được san lấp; quản lý chặt chẽ không để xảy ra hoạt động san lấp hồ, ao trái phép trên địa bàn.

3. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm, phá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp bảo vệ hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

**Điều 3.** Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Cục QLTNN - Bộ TNMT;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Quý Phương**

**PHỤ LỤC 1:**  
**DANH MỤC HỒ, AO KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1202 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT      | Tên hồ, ao              | Vị trí, địa điểm | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|----------|-------------------------|------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)      | (2)                     | (3)              | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
| <b>I</b> | <b>Huyện Phong Điền</b> |                  |                |                                                              |         |
| 1        | Hồ Trầm Nãi             | Xã Phong Bình    | 73,3           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2        | Hồ Trầm Giàng           | Xã Phong Bình    | 47,6           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3        | Hồ Phụ Nữ               | Xã Phong An      | 20,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4        | Hồ Ông Lơi 1            | Xã Phong An      | 1,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 5        | Hồ Ông Lơi 2            | Xã Phong An      | 1,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 6        | Hồ Lương Mai 2          | Xã Phong Chương  | 18,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 7        | Hồ Lương Mai 1          | Xã Phong Chương  | 14,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 8        | Hồ Am Bàu               | Xã Phong Chương  | 1,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 9        | Hồ Trầm Sen             | Xã Phong Chương  | 0,35           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 10       | Hồ Trầm Lung            | Xã Phong Chương  | 0,0773         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 11       | Hồ Khe Mang             | Xã Phong Thu     | 13,0           | Chứa nước để cung cấp                                        |         |

| STT | Tên hồ, ao   | Vị trí, địa điểm    | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                                                                       | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| (1) | (2)          | (3)                 | (4)            | (5)                                                                                                                 | (6)     |
|     |              |                     |                | cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                                              |         |
| 12  | Hồ Hà Rỏi    | Xã Phong Thu        | 1,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 13  | Hồ Cây Cơi   | Xã Phong Xuân       | 14,3           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 14  | Hồ Khe Mạ    | Xã Phong Mỹ         | 7,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 15  | Hồ La Ngà    | Thị trấn Phong Điền | 11,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 16  | Hồ Cây Mang  | Thị trấn Phong Điền | 13,6           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 17  | Hồ Ba Làng   | Thị trấn Phong Điền | 8,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 18  | Hồ Hòa Mỹ    | Xã Phong Mỹ         | 128,2          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 19  | Hồ Mỹ Xuyên  | Xã Phong Hòa        | 155,0          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 20  | Hồ Thềm Lúa  | Xã Phong Hòa        | 72,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 21  | Hồ Thôn Niêm | Xã Phong Hòa        | 69,5           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                        |         |
| 22  | Hồ Thiềm Cát | Xã Phong Hòa        | 60,0           | Cân bằng môi trường sinh thái, tạo độ ẩm cho khu vực xung quanh hồ để phát triển phát triển cây lâm nghiệp, giảm lũ |         |
| 23  | Hồ Ông Môi   | Xã Phong Hòa        | 17,2           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản                                                                         |         |

| STT       | Tên hồ, ao              | Vị trí, địa điểm                                                           | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                         | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|
| (1)       | (2)                     | (3)                                                                        | (4)            | (5)                                                                   | (6)     |
|           |                         |                                                                            |                | xuất nông nghiệp                                                      |         |
| <b>II</b> | <b>Thị xã Hương Trà</b> |                                                                            |                |                                                                       |         |
| 1         | Hồ Thọ Sơn              | Phường Hương Xuân                                                          | 106,2          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp          |         |
| 2         | Hồ Khe Râm              | Xã Bình Thành                                                              | 3,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp          |         |
| 3         | Hồ Khe Bội              | Xã Bình Thành                                                              | 9,7            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp          |         |
| 4         | Hồ Cừa                  | Phường Hương Vân                                                           |                | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp          |         |
| 5         | Bàu Sen                 | Tổ dân phố La Chũ Nam (thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17), phường Hương Chũ  | 1,36           | Chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp                                |         |
| 6         | Bàu Sen                 | Tổ dân phố La Chũ Nam (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 11), phường Hương Chũ | 3,22           | Chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp                                |         |
| 7         | Bàu Tầm                 | Tổ dân phố An Đô, phường Hương Chũ                                         | 5,77           | Chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp                                |         |
| 8         | Bàu Ruồng               | Tổ dân phố Phụ Ô 2, phường Hương Chũ                                       | 7,84           | Chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp                                |         |
| 9         | Bàu Tháp                | Thôn Cổ Lão và thôn Liễu Cốc Hạ, xã Hương Toàn                             | 2,8            | Chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp                                |         |
| 10        | Hồ Khe Ngang            | Thôn Hòa Dương, xã Bình Thành                                              | 2,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và PCCCR |         |
| 11        | Hồ Cá                   | Tổ dân phố 5 và Tổ dân phố 7, phường Tứ Hạ                                 | 8,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp          |         |
| 12        | Đập thủy lợi thôn 5     | Thôn 5, xã Bình Tiến                                                       | 0,33           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản                           |         |

| STT        | Tên hồ, ao                 | Vị trí, địa điểm            | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|------------|----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)        | (2)                        | (3)                         | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
|            |                            |                             |                | xuất nông nghiệp                                             |         |
| 13         | Đập thủy lợi thôn Đông Hòa | Thôn Đông Hòa, xã Bình Tiến | 1,81           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| <b>III</b> | <b>Huyện Quảng Điền</b>    |                             |                |                                                              |         |
| 1          | Hồ Nam Giảng               | Xã Quảng Thái               | 22,7           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2          | Hồ Đập Bao                 | Xã Quảng Vinh               | 12,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3          | Hồ Bàu Sen                 | Xã Quảng Vinh               | 15,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4          | Hồ Đồng Bào                | Xã Quảng Lợi                | 10,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 5          | Hồ Giang Đông              | Xã Quảng Lợi                | 2,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 6          | Hồ Thủy Lập                | Xã Quảng Lợi                | 3,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 7          | Hồ Thủy lợi Đội 1, Thôn 1  | Xã Quảng Công               | 0,25           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 8          | Hồ Thủy lợi Đội 2, Thôn 1  | Xã Quảng Công               | 0,25           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 9          | Hồ Thủy Thôn 2             | Xã Quảng Công               | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 10         | Hồ Thủy Thôn 3             | Xã Quảng Công               | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 11         | Hồ Thủy Thôn 4             | Xã Quảng Công               | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |

| STT       | Tên hồ, ao            | Vị trí, địa điểm                    | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)       | (2)                   | (3)                                 | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
| 12        | Hồ Thủy Thôn 3        | Xã Quảng Ngạn                       | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| <b>IV</b> | <b>Thành phố Huế</b>  |                                     |                |                                                              |         |
| 1         | Hồ Khe Ngang          | Phường Hương Hồ                     | 172,0          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2         | Hồ Khe Nước           | Phường Hương Hồ                     | 04             | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3         | Hồ Khe Rung           | Xã Hương Thọ                        | 7,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4         | Hồ Con Thộn           | Xã Hương Thọ                        | 0,24           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 5         | Hồ Tam Vinh           | Xã Hương Thọ                        | 2,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 6         | Hồ Cửa Lãng           | Phường Hương An                     | 1,15           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 7         | Hồ Võ Xá              | Xã Thủy Bằng                        | 0,036          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 8         | Hồ Châu Chữ           | Xã Thủy Bằng                        | 0,3254         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 9         | Hồ Ruộng Giữa         | Xã Thủy Bằng                        | 0,1646         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 10        | Hồ Tiên Bảo           | Tổ 4, Khu vực 8, phường Tây Lộc     | 0,0159         | Hồ Di tích                                                   |         |
| 11        | Hồ Hữu Bảo (Hồ Bèo)   | Tổ 13,15, Khu vực 7, phường Tây Lộc | 0,0352         | Hồ Di tích                                                   |         |
| 12        | Hồ Giám Điền (Hồ Đất) | Tổ 14, Khu vực 8, phường Tây Lộc    | 0,0052         | Hồ Di tích                                                   |         |
| 13        | Hồ Vuông              | Tổ 12, Khu vực 2,                   | 0,0125         | Hồ Di tích                                                   |         |

| STT | Tên hồ, ao                 | Vị trí, địa điểm                                                           | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng | Ghi chú |
|-----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|---------|
| (1) | (2)                        | (3)                                                                        | (4)            | (5)                           | (6)     |
|     |                            | phường Tây Lộc                                                             |                |                               |         |
| 14  | Hồ Đoài                    | Tổ 13, Khu vực 7, phường Tây Lộc                                           | 0,0048         | Hồ Di tích                    |         |
| 15  | Hồ Tây                     | Tổ 15, Khu vực 7, phường Tây Lộc                                           | 0,0171         | Hồ Di tích                    |         |
| 16  | Hồ Khám Đường              | Tổ 15, Khu vực 7, phường Tây Lộc                                           | 0,0183         | Hồ Di tích                    |         |
| 17  | Hồ Mục Đức                 | Tổ 11, Khu vực 5, phường Tây Lộc                                           | 0,0087         | Hồ Di tích                    |         |
| 18  | Hồ Vòm                     | Tổ 13, Khu vực 7, phường Tây Lộc                                           | 0,0032         | Hồ Di tích                    |         |
| 19  | Hồ Thanh Ninh (Hồ Đảo Dừa) | Tổ 6, Khu vực 4, phường Tây Lộc                                            | 0,0038         | Hồ Di tích                    |         |
| 20  | Hồ Hùng Huệ                | Tổ 9, Khu vực 5, phường Tây Lộc                                            | 0,0003         | Hồ Di tích                    |         |
| 21  | Hồ Thái Trạch              | Đường Xuân 68, phường Đông Ba                                              | 0,2587         | Điều tiết nước                |         |
| 22  | Hồ Dục Hùng                | Đường Xuân 68, phường Đông Ba                                              | 0,123          | Điều tiết nước                |         |
| 23  | Hồ Ba Viên                 | Đường Xuân 68, phường Đông Ba                                              | 0,1279         | Điều tiết nước                |         |
| 24  | Hồ Tịnh Tâm                | Đường Lê Văn Hưu, phường Đông Ba và thửa số 92, tờ số 27, phường Thuận Lộc | 4,8792         | Hồ Di tích                    |         |
| 25  | Hồ Tân Miếu                | Đường Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa                                        | 1,4            | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 26  | Hồ Tân Miếu nhỏ            | Kiệt 75 đường Yết Kiêu, phường Thuận Hòa                                   | 0,03           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 27  | Hồ Võ Sanh                 | Đường Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa                                        | 0,89           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 28  | Hồ Xã Tắc                  | Đường Ngô Thời Nhậm, phường Thuận Hòa                                      | 1,2            | Hồ Di tích                    |         |
| 29  | Hồ Thần Hoàng              | Đường Trần Nguyên Đán, phường Thuận Hòa                                    | 0,3            | Điều tiết nước tự nhiên       |         |

| STT | Tên hồ, ao          | Vị trí, địa điểm                                                       | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|---------|
| (1) | (2)                 | (3)                                                                    | (4)            | (5)                           | (6)     |
| 30  | Hồ Hộ Vệ            | Đường Trần Nguyên Đán, phường Thuận Hòa                                | 0,97           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 31  | Hồ Phong Trạch      | Kiệt 26 đường Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa                            | 0,57           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 32  | Hồ Sáu              | Đường Triệu Quang Phục, phường Thuận Hòa                               | 0,54           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 33  | Hồ Lấp              | Kiệt 8 đường Nguyễn Thiện Thuật                                        | 0,28           | Điều tiết nước tự nhiên       |         |
| 34  | Hồ Dài (Tà Bảo)     | Thuộc thửa số 72, tờ số 10, phường Thuận Lộc                           | 2,1043         | Hồ chứa nước                  |         |
| 35  | Hồ Vuông (Tự)       | Thuộc thửa số 12, tờ số 17                                             | 1,4162         | Hồ chứa nước                  |         |
| 36  | Hồ Lương Y (Tiên Y) | Thuộc thửa số 9, tờ số 21                                              | 0,5372         | Hồ chứa nước                  |         |
| 37  | Hồ Phú Văn          | Thuộc Thửa số 102, tờ số 37                                            | 0,7241         | Hồ chứa nước                  |         |
| 38  | Hồ Nhơn Hậu         | Thuộc thửa số 129, tờ số 34                                            | 1,0979         | Hồ chứa nước                  |         |
| 39  | Hồ Hội (Long Võ)    | Thuộc thửa số 59, tờ số 29                                             | 0,2286         | Hồ chứa nước                  |         |
| 40  | Hồ Ấu (Tế Sanh)     | Thuộc thửa số 101, tờ số 29                                            | 0,2561         | Hồ chứa nước                  |         |
| 41  | Hồ Mưng (Liên Hồ)   | Thuộc thửa số 151, tờ số 34                                            | 1,3068         | Hồ chứa nước                  |         |
| 42  | Hồ Đình             | Thuộc thửa số 96, tờ số 30                                             | 0,3386         | Hồ chứa nước                  |         |
| 43  | Hồ Học Hải          | Thuộc thửa số 6, 7, 8, 27, 91, 106, 107, 108, 119, 131, tờ số 27 và 28 | 2,9839         | Hồ chứa nước                  |         |
| 44  | Hồ Kiểm Huệ         | Khu quy hoạch Kiểm Huệ, phường Xuân Phú                                | 0,6097         | Hồ cảnh quan                  |         |
| 45  | Hói Tân Yên         | Đường Cao Bá Quát, phường Phú Hậu                                      | 0,0035         | Thoát nước                    |         |
| 46  | Ao thoát nước       | Đường Nguyễn Hàm                                                       | 0,0013         | Chứa nước                     |         |

| STT      | Tên hồ, ao                   | Vị trí, địa điểm                                      | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                                                                                                             | Ghi chú |
|----------|------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| (1)      | (2)                          | (3)                                                   | (4)            | (5)                                                                                                                                                       | (6)     |
|          |                              | Ninh, phường Phú Hậu                                  |                |                                                                                                                                                           |         |
| 47       | Hồ Đình làng An Cựu          | Kiệt 33 đường An Dương Vương, phường An Cựu           | 0,0328         | Hồ chứa nước tự nhiên, di tích lịch sử                                                                                                                    |         |
| 48       | Hồ Phú Cát                   | Thửa đất số 01 Tờ bản đồ số 6, phường Gia Hội         | 0,7477         | Mặt nước chuyên dùng                                                                                                                                      |         |
| 49       | Hồ kiệt 111 Nguyễn Chí Thanh | Thửa đất số 207 Tờ bản đồ số 18, phường Gia Hội       | 0,8496         | Mặt nước chuyên dùng                                                                                                                                      |         |
| 50       | Hồ Phóng Thủy                | Thửa đất số 120 Tờ bản đồ số 11, phường Gia Hội       | 01             | Mặt nước chuyên dùng                                                                                                                                      |         |
| 51       | Hồ Ông Cẩn                   | Tổ 10, thuộc thửa số 124, tờ bản đồ 82, phường An Tây | 1,3            | Hồ chứa nước                                                                                                                                              |         |
| 52       | Hồ Lâm Trường Tiên phong     | Tổ 10, thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 77, phường An Tây  | 1,2            | Hồ chứa nước                                                                                                                                              |         |
| 53       | Hồ Lâm Trường Tiên phong     | Tổ 10, thuộc thửa số 11, tờ bản đồ 77, phường An Tây  | 3,3            | Hồ chứa nước                                                                                                                                              |         |
| <b>V</b> | <b>Thị xã Hương Thủy</b>     |                                                       |                |                                                                                                                                                           |         |
| 1        | Hồ Phú Bài 2 (Khe Lòi)       | Xã Thủy Phù                                           | 126,0          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                                                              |         |
| 2        | Hồ Châu Sơn                  | Phường Thủy Phương                                    | 50,8           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                                                                                              |         |
| 3        | Hồ Năm Lãng                  | Phường Thủy Phương                                    | 26,5           | Cân bằng môi trường sinh thái, tạo độ ẩm cho khu vực xung quanh hồ để phát triển phát triển cây lâm nghiệp, giảm lũ và bổ sung nguồn nước cho hồ Châu Sơn |         |
| 4        | Hồ Ông Tư                    | Phường Thủy Phương                                    | 0,0964         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và                                                                                           |         |

| STT | Tên hồ, ao        | Vị trí, địa điểm  | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                                | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| (1) | (2)               | (3)               | (4)            | (5)                                                                          | (6)     |
|     |                   |                   |                | điều tiết lũ                                                                 |         |
| 5   | Hồ Tả Trạch       | Xã Dương Hòa      | 2.700          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 6   | Hồ Khe Sòng       | Xã Dương Hòa      | 2,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 7   | Hồ Ba Cửa         | Phường Phú Bài    | 13,2           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 8   | Hồ Ông Ninh       | Xã Phú Sơn        | 3,97           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 9   | Hồ Bàu Họ         | Xã Thủy Phù       | 9,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 10  | Hồ Lâm Trường     | Phường Thủy Dương | 0,0655         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 11  | Hồ Ông Lộc        | Phường Thủy Dương | 0,118          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 12  | Hồ Bà Hoàng 2     | Phường Thủy Dương | 0,035          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 13  | Hồ Thủy lợi ngoài | Phường Thủy Dương | 3,27           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ |         |
| 14  | Hồ Thủy lợi trong | Phường Thủy Dương | 1,87           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản                                  |         |

| STT       | Tên hồ, ao            | Vị trí, địa điểm                                    | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)       | (2)                   | (3)                                                 | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
|           |                       |                                                     |                | xuất nông nghiệp và điều tiết lũ                             |         |
| 15        | Hồ Gia Mòi            | Thôn Hộ - Thanh Vân, xã Dương Hòa                   | 13,8           | Cung cấp nước sinh hoạt                                      |         |
| 16        | Hồ Bàu Lác            | Thôn 1B, xã Thủy Phù                                | 9,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 17        | Ao Thanh Lam          | Phường Thủy Dương                                   | 6,0            | Phục vụ nuôi trồng thủy sản                                  |         |
| 18        | Hồ Thanh Dạ           | Phường Thủy Dương                                   | 13,48          | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| 19        | Hồ Cạn (Ông Lép)      | Phường Thủy Dương                                   | 0,7            | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| 20        | Hồ Cạn                | Phường Thủy Dương                                   | 01             | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| 21        | Hồ Chuồng Gà          | Phường Thủy Dương                                   | 0,59           | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| 22        | Hồ Ông Ngươi          | Phường Thủy Dương                                   | 0,3            | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| 23        | Hồ Đình Làng          | Phường Thủy Dương                                   | 0,566          | Dự trữ nước, nuôi trồng thủy sản                             |         |
| <b>VI</b> | <b>Huyện Phú Vang</b> |                                                     |                |                                                              |         |
| 1         | Khe Tầm               | Thôn Hà Úc 1,2,3, xã Vinh An                        | 144,85         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2         | Khe Bàu               | Thôn: Bắc Thượng, Trung Định Hải, An Mỹ, xã Vinh An | 2,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3         | Hồ Thủy Lợi           | Thôn Hà Úc 1, xã Vinh An                            | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4         | Hồ Thủy Lợi           | Thôn Hà Úc 4, xã Vinh An                            | 0,25           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 5         | Bàu Thanh Dương       | Thôn Thanh Dương, xã Phú Diên                       | 2,26           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 6         | Bàu Diên Lộc          | Thôn Diên Lộc, xã Phú                               | 4,56           | Chứa nước để cung cấp                                        |         |

| STT         | Tên hồ, ao             | Vị trí, địa điểm            | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|-------------|------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)         | (2)                    | (3)                         | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
|             |                        | Diên                        |                | cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp                       |         |
| 7           | Đầm Nước Ngọt          | Thôn 1,2,6, xã Vinh Thanh   | 270,44         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 8           | Bàu Sen                | Thôn Khánh Mỹ, xã Vinh Xuân | 9,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Phú Lộc</b>   |                             |                |                                                              |         |
| 1           | Hồ Thủy Yên – Thủy Cam | Xã Lộc Thủy                 | 60,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2           | Hồ Truồi               | Xã Lộc Hòa                  | 358,4          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3           | Hồ Khe Su              | Xã Lộc Sơn                  | 3,6            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4           | Hồ Bến Ván 1           | Xã Lộc Bồn                  |                | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Nam Đông</b>  |                             |                |                                                              |         |
| 1           | Hồ Ta Rinh             | Xã Thượng Nhật              | 17,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2           | Hồ Ka Tư               | Xã Hương Phú                | 17,0           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3           | Hồ Thôn 1              | Xã Hương Lộc                | 2,3            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4           | Hồ cá C9               | Xã Hương Xuân               | 1,7            | Nuôi trồng thủy sản                                          |         |
| 5           | Hồ cá C9               | Xã Hương Xuân               | 0,7            | Nuôi trồng thủy sản                                          |         |
| 6           | Hồ cá Tây Lộc          | Xã Hương Xuân               | 0,33           | Nuôi trồng thủy sản                                          |         |
| 7           | Hồ cá Nông Trường      | Xã Hương Xuân               | 2,03           | Nuôi trồng thủy sản                                          |         |
| 8           | Hồ thôn 11             | Xã Hương Xuân               | 0,19           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản                  |         |

| STT       | Tên hồ, ao          | Vị trí, địa điểm              | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1)       | (2)                 | (3)                           | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
|           |                     |                               |                | xuất nông nghiệp                                             |         |
| 9         | Hồ thôn 11          | Xã Hương Xuân                 | 0,16           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 10        | Hồ thôn 11          | Xã Hương Xuân                 | 0,16           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| <b>IX</b> | <b>Huyện A Lưới</b> |                               |                |                                                              |         |
| 1         | Hồ A Lá             | Thôn Ta Roi, xã A Ngo         | 4,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 2         | Hồ Kắm Đôn A        | Xã A Ngo                      | 0,48           | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 3         | Hồ Kắm Đôn B        | Thôn A Ngo, xã A Ngo          | 0,392          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 4         | Hồ Kắm Đôn C        | Xã A Ngo                      | 0,0051         | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 5         | Hồ Quảng Mai        | Thôn Diên Mai, xã A Ngo       | 0,8            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 6         | Hồ Tà Roi           | Thôn Ta Roi, xã A Ngo         | 0,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 7         | Hồ A Nin I          | Thôn Tân Hối, xã Hồng Bắc     | 0,9            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 8         | Hồ A Nin II         | Thôn Lê Nin, xã Hồng Bắc      | 4,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 9         | Hồ A Roong          | Xã Hồng Thượng                | 0,045          | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 10        | Hồ Ra Ho            | Tổ dân phố 4, thị trấn A Lưới | 0,8            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |

| STT | Tên hồ, ao     | Vị trí, địa điểm                                  | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| (1) | (2)            | (3)                                               | (4)            | (5)                                                          | (6)     |
| 11  | Hồ A Râng      | Thôn: Càn Te, Hợp Thượng, Càn Tôm, xã Hồng Thượng | 7,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 12  | Hồ A Co        | Thôn Càn Sâm, Càn Tôm, xã Hồng Thượng             | 2,0            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 13  | Hồ Thôn Nghĩa  | Thôn Chi Đu Nghĩa, xã Hương Nguyên                | 3,6            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 14  | Hồ Thôn 2      | Xã Quảng Nhâm                                     | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 15  | Hồ A Tác       | Xã Quảng Nhâm                                     | 1,8            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 16  | Hồ A Véc       | Xã Quảng Nhâm                                     | 0,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 17  | Hồ Quảng Hợp   | Xã Sơn Thủy                                       | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 18  | Hồ Điền Sơn    | Xã Sơn Thủy                                       | 0,5            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 19  | Hồ Quảng Sơn 1 | Xã Sơn Thủy                                       | 0,4            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 20  | Hồ Quảng Sơn 2 | Xã Sơn Thủy                                       | 0,2            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |
| 21  | Hồ Phú Thượng  | Thôn Phú Thượng, xã Phú Vinh                      | 0,7            | Chứa nước để cung cấp cho tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp |         |

**PHỤ LỤC 2:**  
**DANH MỤC ĐÀM, PHÁ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1202 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

| STT | Tên đầm, phá                                                                           | Vị trí, địa điểm                                                                                          | Diện tích (ha) | Hiện trạng, chức năng sử dụng                                                                                                                                                            | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| (1) | (2)                                                                                    | (3)                                                                                                       | (4)            | (5)                                                                                                                                                                                      | (6)     |
| 1   | Đầm Lập An                                                                             | Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc                                                                           | 1.600          | Nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ ven đầm, du lịch                                                                                                                                      |         |
| 2   | Hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai                                                         |                                                                                                           |                |                                                                                                                                                                                          |         |
| 2.1 | Phá Tam Giang                                                                          | Kéo dài từ cửa sông O Lâu đến Cầu Thuận An với chiều dài 25 km                                            | 5.200          | Điều hòa nước trong mùa mưa lũ, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước, vùng khai thác, nuôi trồng thủy sản, đường thủy nội địa, du lịch,... |         |
| 2.2 | Đầm Thủy Tú (bao gồm: đầm An Truyền, đầm Thanh Lam (Sam), đầm Hà Trung và đầm Thủy Tú) | Kéo dài từ Cầu Thuận An đến Cồn Trai với chiều dài 33 km                                                  | 6.000          |                                                                                                                                                                                          |         |
| 2.3 | Đầm Cầu Hai                                                                            | Kéo dài từ Cồn Trai đến cửa sông Rúi với chiều dài 9 km và từ cửa sông Truồi đến núi Vinh Phong gần 13 km | 10.400         |                                                                                                                                                                                          |         |